

80(T)/2023 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỈNH TRÀ VINH – TUYẾN VẬN TẢI VEN BIỂN – Khu vực đổ thải

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 157/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN3ĐA001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 27 tháng 07 năm 2023)

Chèn	giới hạn khu vực nhận chìm chất nạo		
	vết, nét đứt, nổi:	(1) 9°27'14.66"N	106°38'14.44"E
		(2) 9°27'37.72"N	106°37'51.30"E
		(3) 9°28'00.69"N	106°38'14.52"E
		(4) 9°27'40.31"N	106°38'34.97"E
		(5) 9°27'34.98"N	106°38'34.97"E

Chú giải: *Khu vực nhận chìm chất nạo*

vết  , trong:

(1) – (5) như trên

Hải đồ ảnh hưởng – VN300026 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 27 tháng 07 năm 2023)

Chèn	giới hạn khu vực nhận chìm chất nạo		
	vết, nét đứt, nổi:	(1) 9°27'14.66"N	106°38'14.44"E
		(2) 9°27'37.72"N	106°37'51.30"E
		(3) 9°28'00.69"N	106°38'14.52"E
		(6) 9°27'37.64"N	106°38'37.66"E

Chú giải: *Khu vực nhận chìm chất nạo*

vết  , trong:

(1) – (6) như trên

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

80(T)/2023 – VIET NAM – TRA VINH SEA PORT WATER – VIET NAM COASTAL ROUTE – Spoil ground area

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.157/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN3ĐA001 (Edition No. 2, updated on July 27th, 2023)

Insert	limit of spoil ground, pecked line, joining:	(1) 9°27'14.66"N	106°38'14.44"E
		(2) 9°27'37.72"N	106°37'51.30"E
		(3) 9°28'00.69"N	106°38'14.52"E

(4) 9°27'40.31"N 106°38'34.97"E
(5) 9°27'34.98"N 106°38'34.97"E

Legend: *spoil ground area*  , in: (1) – (5) above

Chart affected – VN300026 (Edition No. 2, updated on July 27th, 2023)

Insert limit of spoil ground, pecked line,
 joining:

(1) 9°27'14.66"N 106°38'14.44"E
(2) 9°27'37.72"N 106°37'51.30"E
(3) 9°28'00.69"N 106°38'14.52"E
(6) 9°27'37.64"N 106°38'37.66"E

Legend: *spoil ground area*  , in: (1) – (6) above

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
